

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thu Cúc;

Bà Vi Hồng Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/01/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị Mỹ L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nông Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2023, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Chu Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Mỹ L và anh Nông Văn T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 năm, sau đó vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về kinh tế. Nguyên nhân do anh Nông Văn T không tu trí làm ăn. Từ tháng 9 năm 2020 đến tháng 4 năm 2021, anh chị sống ly thân nhau, sau đó được gia đình hai bên khuyên bảo nên vợ chồng chị quay về chung sống cùng nhau một thời gian. Đến

tháng 02 năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, do vợ chồng kết hôn cũng đã nhiều năm mà chưa có con cái, anh Nông Văn T nhiều lần xúc phạm, không quan tâm vợ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Trong thời gian ly thân anh Nông Văn T vẫn tìm gặp và liên lạc để khắc phục mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn giữa hai người đã không thể hòa giải được. Chị xác định hôn nhân không hạnh phúc, chị giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Nông Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị Chu Thị Mỹ L trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng anh xác định vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp chị Chu Thị Mỹ L nhất quyết ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất nhưng hòa giải không thành do anh Nông Văn T không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án cho thời gian một tháng để anh khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm với chị Chu Thị Mỹ L, sau đó yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thông báo mở lại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng anh Nông Văn T vắng mặt, không có lý do.

Tại đơn trình bày của ông Chu Văn Đ (bố đẻ của chị Chu Thị Mỹ L) gửi đến Tòa án, ông cho biết: Khoảng giữa năm 2020, con gái ông đã ly thân chồng và chuyển về nhà ngoại sống, hai gia đình thông gia đã cùng nhau khuyên bảo nên vợ chồng có quay về chung sống cùng nhau. Đến năm 2022, con gái ông tiếp tục ly thân chồng do mâu thuẫn kéo dài, do con ông bị chồng và gia đình nhà chồng không tôn trọng, vợ chồng mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Việc của các con ly hôn ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/QH, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Thị Mỹ L. Về quan hệ hôn nhân xử cho chị Chu Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nông Văn T; về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có; về án phí chị Chu Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; các biên bản giao nhận văn bản tố tụng; biên bản lấy lời khai; đơn trình bày;

các biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Chu Thị Mỹ L và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Chu Thị Mỹ L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về ly hôn, bị đơn anh Nông Văn T có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Chu Thị Mỹ L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nông Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Mỹ L và anh Nông Văn T có đăng ký kết hôn năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị Chu Thị Mỹ L, anh Nông Văn T xảy ra mâu thuẫn là có thật. Chị Chu Thị Mỹ L đã sống ly thân với anh Nông Văn T từ đầu năm 2022 đến nay. Xét thấy cả hai đều chưa làm tròn nghĩa vụ của vợ và chồng, thời gian ly thân không ai liên lạc và níu kéo đoàn tụ, ai biết bốn phận của người đày. Mâu thuẫn vợ chồng chị Chu Thị Mỹ L, anh Nông Văn T là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Chu Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn T là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Chu Thị Mỹ L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nông Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Chu Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Chu Thị Mỹ L đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005553 ngày 09 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Hoà Bình, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền